

富洲原中だより

富洲原中学校通信 No. 4



令和7年4月9日

特別支援教育と合理的配慮

【特別支援教育とは？】

特別支援教育とは、障害のある子どもたちが、それぞれの特性やニーズに応じて、学びやすいように工夫された教育のことです。

【合理的配慮とは？】

合理的配慮とは、障害のある人が不利にならないように、必要なサポートや調整を行うことです。

例えば、昨年度の卒業式では、一人で階段を昇降することが難しい人のために、ステージ正面の階段に手すりを設けました。

合理的配慮は、学校だけでなく、社会全体で必要な考え方です。

Special needs education refers to educational methods designed to help children with disabilities learn more easily, based on their individual characteristics and needs.

Reasonable accommodation means providing the necessary support or adjustments to ensure that people with disabilities are not disadvantaged.

This way of thinking is necessary not only in schools but throughout society.

La educación especial se refiere a métodos educativos diseñados para ayudar a los niños con discapacidades a aprender más fácilmente, de acuerdo con sus características y necesidades individuales.

El ajuste razonable consiste en proporcionar el apoyo o las adaptaciones necesarias para que las personas con discapacidades no se vean en desventaja.

Esta forma de pensar es necesaria no solo en las escuelas, sino también en toda la sociedad.

विशेष सहायता शिक्षा भन्नाले अपांगता भएका बालबालिकाहरूको व्यक्तिगत विशेषता र आवश्यकताअनुसार सजिलै सिक्न सक्ने गरी तयार पारिएको शिक्षालाई जनाउँछ।

तर्कसंगत व्यवस्था भन्नाले अपांगता भएका व्यक्तिहरूलाई असहज नहोस् भनी आवश्यक समर्थन वा समायोजन प्रदान गर्नु हो।

यो सोच केवल विद्यालयमा मात्र होइन, सम्पूर्ण समाजमा आवश्यक छ।

Giáo dục hỗ trợ đặc biệt là phương pháp giáo dục được thiết kế để giúp trẻ em khuyết tật học tập dễ dàng hơn, dựa trên đặc điểm và nhu cầu riêng của từng em.

Sự điều chỉnh hợp lý là việc cung cấp sự hỗ trợ hoặc điều chỉnh cần thiết để người khuyết tật không bị thiệt thòi.

Đây là một tư duy cần thiết không chỉ trong nhà trường mà còn trong toàn xã hội.

感覚過敏の1年生の生徒のため、次のような合理的配慮を行いますので、ご理解をお願いします。

- 1 触覚過敏により衣服の縫い目の刺激による痛みを感じるため、校則で認められている服装以外の服装で登校します。
- 2 視覚過敏のため、サングラスを使用します。
- 3 聴覚過敏により小さな音や話し声からストレスを受けるため、イヤーマフを使用します。

誰もが過ごしやすい学校にするため、例えば、階段などで走ってこない、教室の前を通るときには静かにする、急に大きな音をたてないなど、お互いに協力しましょう。

To support a first-grade student with sensory hypersensitivity, the following reasonable accommodations will be made. We appreciate your understanding.

- 1 Due to tactile hypersensitivity, the student feels pain from the seams of clothing. Therefore, the student will attend school in clothing other than the standard uniform permitted by school rules.
- 2 Due to visual hypersensitivity, the student will wear sunglasses.
- 3 Due to auditory hypersensitivity, the student experiences stress from small sounds and voices, so earmuffs will be used.

Para apoyar a un estudiante de primer grado con hipersensibilidad sensorial, se realizarán los siguientes ajustes razonables. Agradecemos su comprensión.

- 1 Debido a la hipersensibilidad táctil, el estudiante siente dolor por las costuras de la ropa. Por lo tanto, asistirá a la escuela con ropa diferente a la permitida por el reglamento escolar.
- 2 Debido a la hipersensibilidad visual, usará gafas de sol.
- 3 Debido a la hipersensibilidad auditiva, el estudiante sufre estrés por ruidos pequeños o voces, por lo que usará orejeras.

संवेदनशीलतामा अति संवेदनशील पहिलो कक्षाका एक विद्यार्थीको लागि निम्न तर्कसंगत व्यवस्था गरिनेछ। कृपया तपाईंको समझदारीका लागि धन्यवाद।

- 1 स्पर्शप्रति संवेदनशील भएकाले कपडाको सिलाईले पीडा दिने हुनाले, विद्यालयको पोशाक नियमबाहेकका लुगा लगाएर विद्यालय आउनेछन्।
- 2 दृष्टि प्रति संवेदनशील भएकाले, विद्यार्थीले सनग्लास प्रयोग गर्नेछन्।
- 3 श्रवण प्रति संवेदनशील भएकाले, सानो आवाज वा कुरा सुन्दा तनाव हुने हुँदा, विद्यार्थीले इयरमफ प्रयोग गर्नेछन्।

Để hỗ trợ một học sinh lớp 1 bị nhạy cảm quá mức về cảm giác, chúng tôi sẽ thực hiện các điều chỉnh hợp lý sau đây. Mong quý vị thông cảm và ủng hộ.

- 1 Do nhạy cảm xúc giác, em học sinh cảm thấy đau khi bị cọ xát bởi đường may của quần áo, vì vậy em sẽ mặc trang phục khác với quy định của nhà trường.
- 2 Do nhạy cảm thị giác, em sẽ đeo kính râm.
- 3 Do nhạy cảm thính giác, em bị căng thẳng bởi tiếng động nhỏ và tiếng nói, vì vậy em sẽ sử dụng chụp tai chống ồn.